

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2017
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Tiến.

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hoà

2. Ông Hoàng Hương Dương

- Thư ký phiên toà: Ông Thịnh Quang Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 336/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc: “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986; Đăng ký thường trú: Thôn T, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987; Đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Có mặt chị Th, vắng mặt anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/7/2017 và tại các văn bản tố tụng tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 30/6/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình nhà chồng tại Đội 2, Thôn T, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống đến khoảng tháng 7 năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ luôn nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình, anh không chịu đi làm, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên dọa nạt đánh chị, do vậy chị đã phải ra ngoài thuê trọ. Do thương các con chị lại quay về chung sống nhưng anh Đ không chịu làm ăn, ngày thì ngủ đêm lại đi chơi khiến cuộc sống vợ chồng càng ngày càng căng thẳng. Từ tháng 02 năm 2016 đến nay chị ra ngoài thuê trọ, vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Đ nhằm giải phóng cho nhau.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà M sinh ngày 01/12/2009 và Nguyễn Thị Yến Nh sinh ngày 17/11/2010. Hiện nay các cháu đang ở cùng với bố. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu Nh, để anh Đức nuôi cháu M. Hiện tại chị đang làm công nhân thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đồng/01 tháng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ, nhà đất ở, đất nông nghiệp: Chị xin tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Th vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh tại Thôn T, xã N, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hoà thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, ngoài ra chị Th còn có quan hệ ngoại tình anh bắt được quả tang nhưng chị Th xin anh, đồng thời gia đình cũng khuyên bảo nên anh đã bỏ qua. Từ đó vợ chồng sống được một thời gian thì chị Th thấy khó chịu, hăm hực nên đến tháng 02 năm 2016 chị Th tự ý bỏ nhà đi chỗ khác để sinh sống, vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Nay quan điểm của anh không đồng ý ly hôn vì các con, muốn hai con có chị có em không phải tách xa nhau. Nếu chị Th cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà M sinh ngày 01/12/2009 và Nguyễn Thị Yến Nh sinh ngày 17/11/2010. Hiện tại cả hai cháu đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con. Hiện tại anh đang làm nghề lái xe thu nhập bình quân khoảng 6.000.000đồng/01 tháng. Nếu anh được nuôi hai con anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ, nhà đất ở, đất nông nghiệp: Anh xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Thị Trà M trình bày: Nếu bố mẹ cháu không chung sống được với nhau thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Th vẫn giữ nguyên các lời khai đã khai trước đây, vợ chồng không còn tình cảm, không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa, chị kiên quyết xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Nếu ly hôn chị xin được

nuôi cháu M theo nguyện vọng của cháu, để anh Đ được nuôi cháu Nh. Không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà là đã tuân theo pháp luật, không vi phạm tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn chưa chấp hành thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Giao con cho mỗi bên nuôi một con mới đảm bảo về điều kiện nuôi dưỡng cho các cháu. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 05/9/2017 Toà án nhân dân huyện Đông Anh ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định phiên toà được mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 14/9/2017. Quyết định đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên toà sơ thẩm ngày 14/9/2017 chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên toà và ấn định phiên toà tiếp theo mở vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 26/9/2017. Quyết định hoãn phiên toà đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên toà ngày 26/9/2017 có mặt nguyên đơn; bị đơn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Đ là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội vào ngày 30 /6/2009 số 48 là phù hợp pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn: Chị Th cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh Đ nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình, anh không chịu đi làm, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên dọa nạt đánh chị, do vậy chị đã phải ra ngoài thuê trọ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn. Anh Nguyễn Văn Đ cũng thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau, ngoài ra chị Th có quan hệ ngoại tình anh bắt được quả tang, sau đó anh đã bỏ qua. Nay quan điểm của anh không đồng ý ly hôn vì các con, muốn hai con có chị có em. Nếu chị Th cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Theo tài liệu được địa phương cung cấp thể hiện mâu thuẫn vợ chồng của anh, chị nguyên nhân là do anh Đ hay dọa nạt chị Th nên chị đã phải bỏ ra ngoài thuê trọ. Biết được mâu thuẫn vợ chồng của anh chị địa phương cũng đã đến gặp gỡ và

nắm bắt tình hình để hoà giải nhưng chị Th vẫn cương quyết xin ly hôn nên không có kết quả gì.

Xét mâu thuẫn của chị Th, anh Đ có thể cho thấy: Mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra từ năm 2015, đặc biệt mâu thuẫn căng thẳng nhất từ năm 2016 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do không tin tưởng nhau, không hợp nhau. Anh Đ cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị Th có quan hệ ngoại tình; trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã yêu cầu cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh nhưng anh Đ không thực hiện. Xét nguyện vọng xin đoàn tụ vợ chồng của anh Đ mặc dù chính đáng, tuy nhiên anh không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng và trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Anh Đ có quan điểm nếu chị Th cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Toà án đã nhiều lần thông báo cho anh Đ đến trụ sở Toà án để tham gia phiên hoà giải nhưng anh đều không tham gia, như vậy có thể cho thấy rằng anh Đ không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị Th xin ly hôn anh Đ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Th đối với anh Đ.

[3] Về con chung: Anh, chị có hai con chung là Nguyễn Thị Trà M sinh ngày 01/12/2009 và Nguyễn Thị Yến Nh sinh ngày 17/11/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh Đ đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của hai bên đều chính đáng, thể hiện tình cảm và trách nhiệm của cha mẹ đối với các con. Song việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải vì lợi ích về mọi mặt của các con. Theo lời khai của anh chị thì hiện nay cả hai đều có thu nhập ổn định, nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh thu nhập, cũng như điều kiện để nuôi dưỡng các con, mặc dù Toà án đã yêu cầu. Để đảm bảo sự nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho các con, cũng như nguyện vọng xin được nuôi con của hai bên; do vậy cần giao cho mỗi người nuôi một con mới đảm bảo về điều kiện nuôi dạy các cháu. Chính vì vậy cần giao cháu Nh cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu M cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Hai bên có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ, nhà đất ở, đất nông nghiệp: Anh, chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th đối với anh Nguyễn Văn Đ. Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.
2. Về con chung: Anh, chị có hai con chung là Nguyễn Thị Trà M sinh ngày 01/12/2009 và Nguyễn Thị Yến Nh sinh ngày 17/11/2010. Giao cháu Nguyễn Thị Yến Nh cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi có sự thay đổi khác. Giao cháu Nguyễn Thị Trà M cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, nợ, nhà đất ở, đất nông nghiệp: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000565 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm. Chị Th có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh.
- Chi cục Thi hành án H. Đông Anh.
- Các đương sự
- UBND xã N
- Lưu HS, VP.

(đã ký)

Phạm Văn Tiến

